**KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 - KHTN 6**

 *(Thời gian 90 phút không kể thời gian giao đề)*

**I, Mục đích yêu cầu:**

**a, Phạm vi kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức từ tuần 1- hết tuần 8 theo KHGD môn KHTN

**b , Mục đích:**

- GV ra đề để kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được về năng lực, phẩm chất của học sinh, căn cứ vào các YCCĐ của chương trình.

Từ đó có sự điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng HS

- HS tự đánh giá lại quá trình học tập rèn luyện của bản thân để có hướng điều chỉnh phương pháp học tập cho hiệu quả.

**II. Khung ma trận và đặc tả:**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 1 khi kết thúc nội dungchương trình từ tuần 1- tuần 8.*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 6 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

- Nội dung kiểm tra: 32 tiết

## MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ IMÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

***-* Khung ma trận**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Tổng điểm****(%)** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| 1. Sinh học (16 tiết) | 1  | **4** |  | **4** | 1 |  |  |  | 2 | 8 | **50****(50%)** |
| 2. Hóa học(8 tiết) |  | **3** | 1 | **1** |  |  |  |  | 1 | 4 | **2,5****(25%)** |
| 3. Vật lí (8 tiết) |  | **3** |  | **1** | 1 |  | 1 |  | 2 | 4 | **2,5****(25%)** |
| **Tổng câu** | 1 | **10** | 1 | **6** | 2 |  | 1 |  | 5 | 16 |  |
| **Tổng điểm** | **1,5** | **2,5** | **1,5** | **1,5** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10,0****(100%)** |
| **% điểm số** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **60%** | **40%** | **100%** |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| 1. **Sinh học (16 tiết)**
 |  |  |  |  |
| - Bài 3. Sử dụng kính lúp.- Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học- Chương V. Tế bào- Chương VI. Từ tế bào đến cơ thể | **Nhận biết** | – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  | **1** |  | Câu 1 |
| - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.  | **1** | **1** | Câu 17 | Câu 2 |
| - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  |  | **1** |  | Câu 3 |
| - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  |  |  |  |  |
| - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. |  | **1** |  | Câu 4 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào). |  |  |  |  |
| - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). |  |  |  |  |
| - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh. |  | **1** |  | Câu 5 |
| - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào). |  | **1** |  | Câu 6 |
| - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ. |  | **1** |  | Câu 7 |
| - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). |  | 1 |  | Câu 8 |
|  | **Vận dụng** | Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| - Thực hành:+ Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...); + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh; + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. | **1** |  | Câu 18 |  |
| **2. Vật lí (8 tiết)** |  |  |  |  |
| - Bài 5. Đo chiều dài.- Bài 6. Đo khối lượng- Bài 7. Đo thời gian.- Bài 8. Đo nhiệt độ | **Nhận biết** | – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...). |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. |  | 1 |  | Câu 13 |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | Câu 14 |
| - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. |  | 1 |  | Câu 15 |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thời gian. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo thể tích. |  |  |  |  |
| - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | Câu 16 |
| - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thể tích trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. | **1** |  | Câu 20 |  |
| - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của cân. |  |  |  |  |
| - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được khối lượng của một vật bằng cân (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Dùng đồng hồ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thời gian và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được thời gian bằng đồng hồ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại nhiệt kế. |  |  |  |  |
| - Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của bình chia độ. |  |  |  |  |
| - Dùng bình chia độ để chỉ ra một số thao tác sai khi đo thể tích và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| - Đo được thể tích của một lượng chất lỏng bằng bình chia độ (thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số). |  |  |  |  |
| - Xác định được thể tích của vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn (như hòn đá, đinh ốc...) |  |  |  |  |
|  | **Vận dụng cao** | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,.. |  |  |  |  |
| - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại. | **1** |  | Câu 21 |  |
| **3. Hóa học (8 tiết)** |  |  |  |  |
| - Bài 1. Giới thiệu về Khoa học tự nhiên.- Bài 2. An toàn trong phòng thực hành.- Bài 9. Sự đa dạng của chất- Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | 1 |  | Câu 9 |
| - Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...). |  | 1 |  | Câu 10 |
| -Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học). |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  | 1 | Câu 11 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  |  |  |  |
| - Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  | 1 |  | Câu 12 |
| - Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| - Nhận ra được vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. | 1 |  | Câu 19 |  |
| -Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát. |  |  |  |  |
| - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi. |  |  |  |  |
| - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất. |  |  |  |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

1. **TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

*Khoanh vào một phương án trả lời đúng trong mỗi câu hỏi sau:***Câu 1:** Dùng loại kính nào để quan sát được tế bào biểu bì hành tây?

 **A.** Kính hiển vi. **B.** Kính lúp **C.** Kính lão **D.** Kính cận

**Câu 2:** Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?

 **A.** Mô.                   **B.** Tế bào.            **C.** Biểu bì.          **D.** Bào quan.

**Câu 3:** Nhờ quá trình nào, cơ thể tạo ra được những tế bào mới để thay thế cho những tế bào già, các tế bào chết?

 **A.** Sự lớn lên tế bào. **B.** Sự lớn lên và sinh sản tế bào.

 **C.** Sự sinh sản tế bào. **D.** Sự trao đổi chất với môi trường.

**Câu 4:** Bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh**?**

 A. ti thể B. lục lạp D. nhân tế bào C. không bào

**Câu 5:** Tế bào nhân thực khác với tế bào nhân sơ là:

 **A.** Có màng tế bào **B.** Có nhân

 **C.** Có tế bào chất **D.** Có nhân hoàn chỉnh

**Câu 6:** Từ 2 tế bào ban đầu, sau 3 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

 **A.** 3. **B.** 6. **C.** 8. **D.** 16.

 **Câu 7:** Các cấp độ tổ chức cấu tạo nên cơ thể người

 **A.** Tế bào => Cơ quan => Mô => Hệ cơ quan => Cơ thể

 **B.** Tế bào => Mô => Cơ quan => Hệ cơ quan => Cơ thể

 **C.** Tế bào => Mô => Hệ cơ quan => Cơ quan => Cơ thể

 **D.** Mô => Cơ quan => Tế bào => Hệ cơ quan => Cơ thể

**Câu 8:** Trong các nhóm sau, nhóm nào gồm toàn cơ thể đơn bào?

 **A.** Nấm men, vi khẩn, giun đất.

 **B.** Trùng biến hình, nấm men, con bướm.

 **C.** Nấm men, vi khuẩn, trùng sốt rét.

 **D.** Con thỏ, cây hoa mai, “cây” nấm rơm.

**Câu 9:** Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?

1. Các sự vật, hiện tượng tự nhiên.
2. Các quy luật tự nhiên.
3. Những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu 10:** Chất có ở đâu?

**A. Trong cơ thể người, động vật, thực vật**

**B. Trong không khí**

**C. Chất có ở khắp mọi nơi, ở đâu có vật thể ở đó có chất**

D. Chất chỉ có ở trong đất.

**Câu 11:** Chất chuyển từ thể rắn sang thể lỏng gọi là:

 **A.** Sự ngưng tụ. **B.** Sự hóa hơi.

 **C.** Sự nóng chảy **D.** Sự đông đặc

**Câu 12:** Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?

1. Chất dễ cháy.
2. Chất gây nổ.
3. Chất ăn mòn.
4. Chất độc

**Câu 13:** Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài chính thức của nước ta?

**A.** Mét (m). **B.** Kilômét (km).

**C.** Centimét (cm). **D.** Đềximét (dm).

**Câu 14:** Giới hạn đo của một thước là

A. chiều dài lớn nhất ghi trên thước.

B. chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.

C. chiều rộng của thước

D. chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

**Câu 15:** Đơn vị đo khối lượng trong hệ đo lường chính thức của nước ta là đơn vị nào sau đây?

 **A.** Kilôgam. **B.** Gam. **C.** Tấn. **D.** Tạ.

**Câu 16:** Khi đo nhiều lần một đại lượng mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

 **A.** Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.

 **B.** Giá trị của lần đo cuối cùng.

 **C.** Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất.

 **D.** Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 17 (1,5 điểm):** Tế bào gồm mấy thành phần chính?Nêu chức năng các thành phần chính của tế bào.

**Câu 18 (1,5 điểm):** Thế nào là cơ thể đơn bào, cơ thế đa bào? Cho ví dụ?

**Câu 19 (1,5 điểm):** Hãy đưa ra một ví dụ cho mỗi trường hợp sau:

a) Chất rắn rất khó nén

b) Chất lỏng có khả năng dẫn truyền.

c) Chất khí dễ bị nén.

**Câu 20 (0,5 điểm):** Khi dùng thước đo, cần biết GHĐ và……………...của thước.
**Câu 21 (1,0 điểm):**Hãy đổi những khối lượng sau đây ra đơn vị kilôgam (kg)

a. 650 g = ….. kg;

b. 2,4 tạ = …. kg;

c. 3,07 tấn = …. kg;

d. 12 yến = ….. kg;

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**I. TNKQ (4,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| Đ/A | A | B | C | B | D | C | B | C | D | C | C | C | A | A | A | A |

**Phần II: Tự luận: (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17**(1,5 điểm) | - TB gồm 3 thành phần chính: Màng tế bào, tế bào chất, nhân(vùng nhân)- Chức năng mỗi thành phần: + Màng tế bào tham gia vào quá trình trao đổi chất giữa tế bào với môi trường. + TB chất là nơi diễn tra các hoạt động sống của tế bào. + Nhân hoặc vùng nhân là trung tâm điều khiển các hoạt động sống của tế bào. | 0,5 điểm0,5 điểm0,5 điểm |
| **Câu 18**(1,5 điểm) | - Cơ thể đơn là cơ thể có tổ chức đơn giản chỉ là một tế bào thực hiện tất cả các quá trình sống cơ bản.+ Ví dụ: tảo lục, vi khuẩn gây bệnh uốn ván là cơ thể đơn bào- Cơ thể đa bào là cơ thể có cấu tạo gồn nhiều tế bào, mỗi thế bào thực hiện một chức năng sống riêng biệt nhưng phối hợp với nhau thực hiện các quá trình sông của cơ thể.+ Ví dụ: em bé, con bướm, cây hoa mai là các cơ thể đa bào | 0,5 điểm0,5 điểm0,5 điểm |
| **Câu 19**(1,5 điểm) | Một số ví dụ:a) Để một cục đá trên bàn, dùng tay ấn một lực mạnh vào cục đá, cục đá vẫn giữ nguyên hình dạng.b) Khi đổ đầy xăng ở cây xăng vào bình chứa của xe máyc) Bơm không khí làm căng săm xe máy, xe đạp, sau đó dùng tay ta vẫn nén được săm của xe.(HS có thể lấy ví dụ khác) | 0,5 điểm0,5 điểm0,5 điểm |
| **Câu 20**(0,5 điểm) | Giới hạn đo (GHĐ) của thước là độ dài lớn nhất ghi trên thước.Độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước là độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước. | 0,25 điểm0,25 điểm |
| **Câu 21**(1,0 điểm) | a. 650 g = 650 : 1000 = 0,65 kg;b. 2,4 tạ = 2,4 . 100 = 240 kg;c. 3,07 tấn = 3,07 . 1000 = 3 070 kg;d. 12 yến = 12 . 10 = 120 kg; | 0,5 điểm0,5 điểm |

Họ và tên:………….. *Thứ ngày tháng năm 2022*

Lớp 6…. **BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

 **Môn : KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

 **Thời gian làm bài : 90 phút**

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm | Lời phê của thầy, cô giáo |

**ĐỀ BÀI**

1. **TRẮC NGHIỆM (4 điểm)***Khoanh vào một phương án trả lời đúng trong mỗi câu hỏi sau:*

**Câu 1:** Dùng loại kính nào để quan sát được tế bào biểu bì hành tây?

 **A.** Kính hiển vi.

 **B.** Kính lúp

 **C.** Kính lão

 **D.** Kính cận

**Câu 2:** Đơn vị cấu tạo nên cơ thể sống gọi là gì?

 **A.** Mô.                    **B.** Tế bào.

 **C.** Biểu bì.                        **D.** Bào quan.

**Câu 3:** Nhờ quá trình nào, cơ thể tạo ra được những tế bào mới để thay thế cho những tế bào già, các tế bào chết?

 **A.** Sự lớn lên tế bào. **B.** Sự lớn lên và sinh sản tế bào.

 **C.** Sự sinh sản của tế bào. **D.** Sự trao đổi chất với môi trường.

**Câu 4:** Bào quan nào thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh?

A, ti thể B, Lục lạp (chứa diệp lục)

 D, nhân tế bào C, không bào

**Câu 5:** Tế bào được cấu tạo bởi các phần chính nào?

A, Màng tế bào, nhân

B, Thành tế bào, chất tế bào, ti thể

**C,** Màng tế bào, chất tế bào, nhân

D, Thành tế bào, lục lạp, nhân

**Câu 6:** Từ một tế bào ban đầu, sau 3 lần phân chia liên tiếp sẽ tạo ra bao nhiêu tế bào con?

 **A.** 3. **B.** 6. **C.** 8. **D.** 16.

**Câu 7:**: Quan sát một số cơ quan trong hình sau:



 Trong các cơ quan nêu trên, hệ tiêu hoá gồm các cơ quan nào?

**A.** 1,2,3 **B. 3,6 C.** 2,4 **D.** 5,6

**Câu 8:** Trong các nhóm sau, nhóm nào gồm toàn cơ thể đơn bào?

 **A.** Nấm men, vi khẩn, giun đất.

 **B.** Trùng biến hình, nấm men, con bướm.

 **C.** Nấm men, vi khuẩn, trùng biến hình.

 **D.** Con thỏ, cây hoa mai, “cây” nấm rơm.

**Câu 9:  Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?**

1. Các sự vật, hiện tượng tự nhiên.
2. Các quy luật tự nhiên.
3. Những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu 10:** Chất có ở đâu?

**A, Trong cơ thể người, động vật, thực vật**

**B, Trong không khí**

**C, Chất có ở khắp mọi nơi, ở đâu có vật thể ở đó có chất**

D, Chất chỉ có ở trong đất.

**Câu 11:** Chất chuyển từ thể rắn sang thể lỏng gọi là:

 **A. Sự** ngưng tụ. **B. Sự** hóa hơi.

 **C.** Sự nóng chảy **D.** Sự đông đặc

**Câu 12:  Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?**

1. Chất dễ cháy.
2. Chất gây nổ.
3. Chất ăn mòn.
4. Chất độc

**Câu 13:**Đơn vị nào là đơn vị đo độ dài chính thức của nước ta?

**A.** Mét (m). **B.** Kilômét (km).

**C.** Centimét (cm). **D.** Đềximét (dm).

**Câu 14. Giới hạn đo của một thước là?**

A. chiều dài lớn nhất ghi trên thước.

B. chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.

C. chiều rộng của thước

D. chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

**Câu 15:**Đơn vị đo khối lượng trong hệ đo lường chính thức của nước ta là đơn vị nào sau đây?

 **A.** Kilôgam. **B.** Gam.

 **C.** Tấn. **D.** Tạ.

**Câu 16:** Khi đo nhiều lần một đại lượng mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

 **A.** Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.

 **B.** Giá trị của lần đo cuối cùng.

 **C.** Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất.

 **D.** Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 17 (1,5 điểm):** Nêu chức năng các thành phần chính của tế bào.

**Câu 18 (1,5 điểm):H**ệ hô hấp của người gồm các bộ phận, cơ quan nào? Nêu nhiệm vụ của mỗi bộ phận, cơ quan đó?

**Câu 19 (1,5 điểm):**Hãy đưa ra một ví dụ cho mỗi trường hợp sau:

a) Chất rắn rất khó nén

b) Chất lỏng có khả năng dẫn truyền.

c) Chất khí dễ bị nén.

**Câu 20 (0,5 điểm):** Khi dùng thước đo, cần biết GHĐ và……………...của thước.
**Câu 21 (1,0 điểm):**Hãy đổi những khối lượng sau đây ra đơn vị kilôgam (kg)

a. 650 g = ….. kg;

b. 2,4 tạ = …. kg;

c. 3,07 tấn = …. kg;

d. 12 yến = ….. kg;

**Bài làm (phần tự luận)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................................